



經國管理暨健康學院

Học Viện Quản Lý và Sức Khỏe Kinh Quốc



新南向產學合作國際專班

108 學年度 第 1 學期

Lớp chuyên ban quốc tế hợp tác công nghiệp tân hướng nam

108 Học kỳ 1 Năm

學生手冊

CẨM NANG SINH VIÊN



MỤC LỤC

一、108 學年度第 1 學期行事曆	2
二、學校介紹 GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG	3
學校平面圖	3
SƠ ĐỒ TRƯỜNG	3
三、辦理居留證 Làm thẻ cư trú	4
四、工作證 Giấy phép lao động	5
五、保險 Bảo hiểm	6
六、產學合作國際專班生在臺就讀注意事項	7
八、緊急連絡電話 Số điện thoại khẩn cấp	11
九、其他費用說明 Hướng dẫn phí	12

一、108 學年度第 1 學期行事曆

經國管理暨健康學院108學年度第1學期行事曆										
										民國108年6月11日107學年度第2學期第10次行政會議通過 教育部108年06月27日臺教技(四)字第1080089981號核備
月份	週次	星期日	星期一	星期二	星期三	星期四	星期五	星期六	備註	
108 年 8月						1	2	3		
		4	5	6	7	8	9	10		
		11	12	13	14	15	16	17		
		18	19	20	21	22	23	24		
		25	26	27	28	29	30	31		
108 年9 月		1	2	3	4	5	6	7		
		8	9	10	11	12	13 中秋節	14	9/13中秋節	
	第1週	15	16	17	18	19	20	21	9/16開學日	
	第2週	22	23	24	25	26	27	28	9/27新南向專班學生報到 9/28新南向專班學生辦理居留證	
	第3週	29	30	1	2	3	4	5	9/30新南向專班學生註冊 10/1新南向專班學生開學典禮 10/5補班	
	第4週	6	7	8	9	10	11	12	10/7-11/8新生盃籃球賽(籃球全場) 10/10國慶日10/11彈性放假	
	第5週	13	14	15	16	17	18	19		
	第6週	20	21	22	23	24	25	26		
	第7週	27	28	29	30	31	1	2		
	第8週	3	4	5	6	7	8	9	11/6學生專業證照暨競賽獎勵審查委員會	
108 年11 月	第9週	10	11	12	13	14	15	16	11/11-11/15【日間部】期中考週 11/11-12/13班際盃排球錦標賽	
	第10週	17	18	19	20	21	22	23		
	第11週	24	25	26	27	28	29	30	11/25-11/29【日間部】期中隨堂補考週	
	第12週	1	2	3	4	5	6	7	12/1證照及競賽獎勵開放申請	
108 年 12月	第13週	8	9	10	11	12	13	14	12/11新生盃健康操歌唱比賽卡啦ok決賽	
	第14週	15	16	17	18	19	20	21	12/18社團評鑑,53屆學生自治團體改選 12/18宿舍座談會	
	第15週	22	23	24	25	26	27	28		
	第16週	29	30	31	1 元旦	2	3	4	12/31期末服務學習小組長座談 1/1元旦	
	第17週	5	6	7	8	9	10	11		
109 年 1月	第18週	12	13	14	15	16	17	18	1/13-1/17【日間部】期末考週	
		19	20	21	22	23	24 除夕	25 初一	1/22【日間部】期末集體補考 1/23調整放假 春節1/24-29	
		26 初一	27 初二	28 初三	29 初四	30 初五	31			

二、學校介紹 GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG

臺灣經國管理暨健康學院，本校原名為德育護理專科學校，創立於民國 56 年，是以「配合社會需要，適應世界潮流，培植優秀之護理人才，以服務群眾」為辦學宗旨，以「博愛」為校訓，首設護理助產科（後改為護理科）。培育優秀的護理人才，以提昇國內護理教育水準為興學目標。是當時北台灣，除台北護專之外，唯一一所私立護理專科學校，為國家培育出許多優秀的護理人才。

Trường Học viện Quản lý và Y tế Kinh Quốc Đài Loan, tên gọi ban đầu là Trường Cao đẳng điều dưỡng Đức Dục, thành lập năm 1967, lấy “phối hợp nhu cầu xã hội, thích ứng trào lưu thế giới, đào tạo đội ngũ điều dưỡng ưu tú để phục vụ nhân dân” làm tôn chỉ của trường, lấy “bác ái” làm phương châm của trường, đầu tiên thành lập khoa điều dưỡng và hộ sinh (sau đổi thành khoa điều dưỡng). Đào tạo đội ngũ điều dưỡng giỏi, lấy việc nâng cao tiêu chuẩn đào tạo điều dưỡng trong nước làm mục tiêu dạy học. Là trường cao đẳng dân lập điều dưỡng duy nhất khi đó ở phía Bắc Đài Loan, ngoài trường Cao đẳng điều dưỡng Đài Bắc ra, đào tạo ra đội ngũ rất nhiều điều dưỡng giỏi cho cả nước.

民國 91 年 8 月 1 日本校改制為技術學院，設立二技食品衛生、幼兒保育、化妝品應用三系，同年 11 月，本校為紀念經國先生勤懇務實深耕台灣四十年，締造經濟奇蹟的貢獻，並建立新形象，邁向國際化，打造特色，更改校名為「經國管理暨健康學院」，確立了以民生科技、健康促進及照護以及管理為增設系科之主軸的新發展方向。

Ngày 1 tháng 8 năm 2002 trường đổi thành Học viện kỹ thuật, có 3 khoa hệ 2 năm là vệ sinh thực phẩm, giáo dục mầm non, mỹ phẩm ứng dụng, tháng 11 cùng năm, kỷ niệm 40 năm ngày cựu tổng thống Đài Loan ông Tưởng Kinh Quốc can cù xây dựng Đài Loan, đã công hiến không nhỏ tạo ra phép lạ cho nền kinh tế Đài Loan. Xây dựng một hình tượng mới, hướng tới quốc tế hóa, tạo ra nhiều đặc sắc, trường đổi tên thành “Học viện Quản lý và Y tế Kinh Quốc”, thiết lập hướng phát triển mới lấy khoa học kỹ thuật nhân sinh, thúc đẩy chăm sóc sức khỏe y tế và quản lý làm lòng cốt.

學校平面圖

SƠ ĐỒ TRƯỜNG



- 1 Tòa nhà Kinh
2. Tòa nhà Bác Ái
3. Tòa nhà Trung Chính
4. Tòa nhà Trung
5. Tòa nhà Chí Thức
6. Tòa nhà Đức Dục
7. Tòa nhà Thu
8. Tòa nhà Tư Lệnh
9. Tòa nhà Chí Bình
10. Tòa nhà Đại

三、辦理居留證 Làm thẻ cư trú

依規定，外國學生須辦理居留證，居留證一年期辦理費用為新臺幣 1000 元(辦理工作天: 10 天)。
。學校將協助學生辦理居留證，請學生妥善保管，若遺失或因故污損申請換發者，須繳納換證費用新臺幣 500 元。

Theo quy định, sinh viên nước ngoài phải làm thẻ cư trú, phí làm thẻ cư trú 1 năm là 1000 Đài tệ (thời gian làm: 10 ngày làm việc). Trường sẽ hỗ trợ sinh viên làm thẻ cư trú, đề nghị sinh viên cất giữ cẩn thận, nếu làm mất hoặc bị tẩy xóa với bất kỳ lý do gì, phải đóng tiền 500 Đài tệ để làm lại.

辦理資訊如下:

Thông tin làm thẻ cư trú như sau:

- 辦證地點: 中華民國內政部移民署—基隆市服務站
Địa chỉ làm: Trạm dịch vụ thành phố Cơ Long, phòng Di dân, bộ Nội chính, Đài Loan.
- 地址: 基隆市義一路 18 號 11 樓(A 棟)
Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà A số 18 đường Nghĩa Nhất thành phố Cơ Long
- 電話: 02-24276374
Điện thoại: 02-24276374
- 服務時間: 星期一至星期五 08:00-17:00 中午不休息
Thời gian làm việc: Từ 08h – 17h các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6, buổi trưa không nghỉ.

注意事項:

Những chú ý khi làm thẻ:

居留證有效期限為一年，請於到期前辦理居期展延。逾期辦理罰款 1-10 天(1,000 元)，11-30 天(2,000 元)，31-90 天(5,000 元)，90 天以上 10,000 元並驅逐出境。

Thẻ cư trú có kỳ hạn là 1 năm, phải ra hạn trước khi hết hạn thẻ. Quá hạn sẽ bị phạt 1-10 ngày (1000 Đài tệ), 11-30 ngày (2000 Đài tệ), 31-90 ngày (5000 Đài tệ), từ 90 ngày trở lên phạt 10000 Đài tệ và trục xuất.

居留證樣張

Mẫu thẻ cư trú



四、工作證 Giấy phép lao động

注意事項 Lưu ý:

(1) 外國留學生申請工作許可，許可期間最長為六個月。

Sinh viên nước ngoài xin giấy phép làm việc trong thời gian tối đa là sáu tháng.

(2) 外國留學生工作時間除寒暑假外，在學期間每星期最長為 20 小時。

Đối với sinh viên nước ngoài làm thêm, trừ những kỳ nghỉ mùa đông và mùa hè, thời gian tối đa là 20 giờ một tuần trong năm học.

(3) 未依前項規定者，本會得依就業服務法規定廢止其工作可。

Việc không tuân thủ các quy định của khoản trên có thể dẫn tới việc bắt ngừng công việc đang làm theo luật việc làm.

(4) 未依規定申請工作許可，即受聘僱為他人工作者，依就業服務法規定，處新台幣三萬元以上十五萬元以下之罰鍰。

Nếu không nộp đơn xin giấy phép lao động theo quy định, nghĩa là được tuyển dụng như 1 người lao động, theo quy định của Luật việc làm, phạt tiền từ 30.000 đến 150000 Đài tệ.

(5) 資料及證明文件係為影本者，應加註「與正本相符」之文字，並由申請人蓋章或簽名。

Tư liệu và giấy tờ các nhân nếu là bản photocopy thì nên chú thích "phù hợp với bản gốc" hoặc phải được người nộp đơn đóng dấu hoặc ký tên.

(6) 學生因休學、退學者，若工作許可證仍在有效期限內，應將工作許可證繳回學校國際組。

Học sinh tạm nghỉ học hoặc thôi học sẽ phải hoàn trả giấy phép lao động cho phòng quốc tế của trường nếu giấy phép lao động vẫn còn trong thời hạn hiệu lực.

(7) 有關擬工作之單位戳（簽）章、工作性質、工作地址等，學校得視輔導之需要，要求學生填寫。

Đối với con dấu đơn vị (ký tên), tính chất công việc, địa chỉ làm việc, v.v ... của công việc đề xuất, nhà trường có thể yêu cầu học sinh điền vào nếu cần thiết để tư vấn.

五、保險 Bảo hiểm

1. 學生平安保險 Bảo hiểm bình an học sinh

費用：每人約新台幣 204 元（依當學期辦理團保之保險公司收費標準為主）

Chi phí 204 Đài tệ/người (dựa trên thời hạn học phí đóng bởi công ty bảo hiểm trong nhóm) dựa trên giá của công ty bảo hiểm mà học sinh đóng bảo hiểm nhóm

2. 醫療保險（分為醫療保險與全民健康保險

(1) 醫療保險含意外險(抵台前 6 個月)

Bảo hiểm y tế bao gồm bảo hiểm sự cố(6 tháng trước khi đến Đài Loan)

費用：每人每月新台幣 670 元*前 6 個月=台幣 4,020 元

Phi: 675 Đài tệ / người / tháng * 6 tháng đầu = 4,020 Đài tệ

(2) 全民健康保險 (6 個月以後)

Bảo hiểm y tế toàn dân

健保費每月新台幣 749 元，即每學期新台幣 4,494 元

Phí bảo hiểm y tế toàn dân là 749 Đài tệ/tháng, tổng cộng là 4,494 Đài tệ mỗi học kỳ.

六、產學合作國際專班生在臺就讀注意事項

Những chú ý đối với sinh viên mới lớp hợp tác quốc tế hệ vừa học vừa làm khi học tập tại Đài Loan

1.若發生意外事件請撥打本校校安中心 24 小時專 02-2437-4315 請求協助

Trong trường hợp có sự cố, vui lòng gọi cho trung tâm an ninh trường 02-2437-4315 để được hỗ trợ (phục vụ 24/24)

2.在臺之一切行為請務必遵守臺灣法律。

Mọi hành vi của bạn đều phải tuân thủ luật pháp Đài Loan.

3.若有急事需返國，請依規定完成請假手續，並告知宿舍人員及國際合作暨兩岸交流組。

Nếu bạn cần về nước trong trường hợp khẩn cấp, vui lòng hoàn thành các thủ tục xin nghỉ phép theo quy định và thông báo cho nhân viên ký túc xá và tổ hợp tác quốc tế.

4.居留證期限為一年，有效期前一個月請辦理居留證延期程序。

Thời hạn của giấy phép cư trú là một năm. Phải làm thủ tục ra hạn thẻ cư trú trước khi hết hạn 1 tháng.

5.在校就讀期間請遵守學校宿舍規定，違反者以校規處理。

Trong thời gian học tập tại trường phải tuân theo quy định về ký túc xá của trường. Những người vi phạm sẽ bị xử lý theo các quy định của nhà trường.

*校內單位上班時間：星期一~五上午 8:00~下午 5:00 (國定假日及星期六、日放假)

* Giờ làm việc cho các đơn vị trong trường: Thứ Hai đến Thứ Sáu, 8:00 sáng đến 5:00 chiều (Nghỉ vào các ngày lễ nhà nước quy định, thứ bảy và chủ nhật)

七、宿舍管理規則 Quy tắc quản lý ký túc xá

住宿學生應遵守下列規則 Sinh viên phải tuân theo các quy tắc sau :

(一) 每日應整理內務，經常保持清潔。

Hàng ngày phải dọn dẹp phòng, giữ gìn sạch sẽ.

(二) 經常保持寧靜，不得高聲談笑，喧鬧。

Luôn giữ yên tĩnh và không nói chuyện cười đùa hò hét lớn tiếng.

(三) 不得存放有安全顧慮及有礙衛生之物品。

Không được cất giữ đồ có tính không an toàn và nguy hại tới sức khỏe.

(四) 不得留宿外賓或親友同學。

Không được giữ khách, bạn bè và người thân ở lại phòng.

(五) 不得邀約異性朋友進入宿舍。

Không mời bạn bè khác giới vào ký túc xá.

(六) 不得有妨礙他人自修、睡眠之行為。

Không được có những hành vi ảnh hưởng việc học hay ngủ nghỉ của người khác.

(七) 未經輔導老師許可，不得擅自使用廣播系統。

Nếu không có sự cho phép của người hướng dẫn, không được tự ý sử dụng hệ thống phát thanh truyền hình.

(八) 不得有爭吵、鬥毆、賭博、打麻將、飲酒、吸菸、偷竊等不良行為。

Không được có hành vi xấu như quấy rối, đánh nhau, cờ bạc, chơi mạt chược, uống rượu, hút thuốc, ăn trộm.

(九) 不得在宿舍內飼養家畜或其他動物。

Trong ký túc xá không được nuôi gia súc hoặc các động vật khác.

(十) 不得在寢室內私接電線或未經允許之電器（如電熨斗、電爐、電鍋、電壺等）。

Không được sử dụng các thiết bị chưa qua kiểm duyệt trong phòng như bàn là điện, nồi cơm điện, ấm điện, vv.

(十一) 不得在寢室或宿舍走廊放置妨礙他人的物品。

Không đặt các đồ vật cản trở người khác trong ký túc xá hoặc hành lang ký túc xá.

(十二) 不得自行點燃火燭及火燃蚊香，但基於安全考量，寢室內允許使用電蚊香。

Không tự ý đốt nến hoặc hương muỗi, nhưng vì lý do an toàn, cho phép việc sử dụng các máy chống muỗi trong phòng ngủ.

(十三) 住宿生之私人物品 (包括貴重物品、金錢) 請妥善保管, 若有遺失請於當日立即

至值星室報備。

Các đồ dùng cá nhân (bao gồm vật có giá trị, tiền bạc) nên cất giữ cẩn thận, nếu làm mất ngay hôm đó phải thông báo cho phòng trực.

(十四) 住宿生應隨時注意服裝儀容, 不可穿著暴露、著睡衣、拖鞋等在校區活動。

Sinh viên nên lưu ý đến việc ăn mặc, và không nên mặc quá hở hang hoặc mặc đồ ngủ, đi dép lê khi tham gia các hoạt động khác trong khuôn viên trường.

(十五) 宿舍大門、公有電源及公布欄非經指定, 任何時間任何同學皆不得擅自開啟、

關閉或塗改, 未遵循者, 另依罰則處分。

Trước cửa ký túc xá có nguồn điện và khu thông báo, nếu chưa được cho phép, không ai được phép tự mở, đóng hoặc thay đổi.

Người vi phạm sẽ bị phạt theo quy định.

(十六) 各寢室除使用除濕機外, 離開寢室時務必將門、窗、燈、冷氣關閉, 未遵循者,

另依罰則處分。

Các phòng ngủ ngoài việc sử dụng máy hút ẩm, khi ra khỏi phòng phải đóng tất cả các cửa chính, cửa sổ, đèn, máy lạnh. Người vi phạm sẽ bị phạt theo quy định.

(十七) 各寢公物自學期初領用後應妥善保管使用, 在正當使用下損壞須至值星室填寫報

修單, 由值星室彙整請總務處派專人修繕, 若有蓄意損毀或使用不當者, 經本人承認或他

人指證屬實, 由損毀人賠償, 否則由全寢室共同賠償。

Những đồ dùng trong phòng ngủ được nhận từ đầu học kỳ nên được bảo quản cẩn thận, nếu đang sử dụng bình thường mà đột nhiên hỏng thì phải đến phòng trực ban để điền mẫu đơn sửa. Phòng trực ban sẽ cử người có chuyên môn đến sửa. Nếu thiệt hại do cố ý hoặc sử dụng không đúng, nếu sau khi cá nhân thừa nhận hoặc những người khác xác nhận sự việc, người làm hỏng sẽ bồi thường tổn hại, nếu không các thành viên trong phòng sẽ cùng chịu phí bồi thường.

(十八) 住宿生之家長、親友及其他訪客欲進入宿舍內, 須於 21:00 前於一樓登記訪客資

料後在一樓大廳會客, 凡非住宿生 (包括家長、親友) 皆不得留宿於宿舍內。

Phụ huynh của các học sinh nội trú, người thân khách có nhu cầu vào thăm thì trước 21:00 hàng ngày phải đến tầng 1 đăng ký thông tin và chờ gặp ở sảnh tầng 1, nếu không phải sinh nội trú (kể cả cha mẹ, người thân và bạn bè) không được phép ở bên trong ký túc xá.

(十九) 住宿生欲外宿者必須事前辦理請假手續, 違者以不假外宿論。非例假日外宿者,

應於前一日完成外宿請假手續。

Nếu sinh viên nào muốn ra ngoài ở tạm thời, người đó phải làm đơn xin nghỉ phép trước, người vi phạm là người ở bên ngoài mà không xin phép trước. Những người nghỉ lễ không sống ở ngoài phải hoàn thành các thủ tục cho kỳ nghỉ trước 1 ngày.

(二十) 宿舍公共區域應由各寢室排班輪值打掃, 並於每晚點名後實施, 由學生自治幹部

負責督導檢查並。

Các khu vực chung của ký túc xá do các phòng luân phiên dọn dẹp và thực hiện mỗi tối sau khi điểm danh, việc giám sát và kiểm tra sẽ được thực hiện bởi cán bộ sinh viên tự quản lý.

(二十一) 凡借用公物者，書報雜誌應於當日 22:30 前歸還，逾時不還者或損毀，依市價賠償。
Nếu mượn đồ đặc chung như sách và tạp chí nên được trả lại trước 22:30 cùng ngày, nếu không trả lại đúng hẹn hoặc đồ đặc bị thất lạc thì sẽ phải bồi thường theo giá thị trường.

(二十二) 外出遲歸宿舍者由宿舍管理人員、學生自治幹部協助開門進入，並接受罰則處分。
Những sinh viên về ký túc xá muộn sẽ được nhân viên quản lý ký túc xá và các sinh viên tự quản hỗ trợ mở cửa và sẽ phải nhận hình phạt.

(二十三) 宿舍應配合實施垃圾分類及資源回收，定期舉行環境大掃除由各寢室派員配合實施。
Phòng ký túc xá sẽ thực hiện phân loại rác và tái chế, và tất cả các khu và nhân viên đều phải thực hiện việc dọn sạch môi trường thường xuyên.

(二十四) 宿舍每學期得不定期舉行防災應變演習，以強化住宿生應變能力。
Mỗi học kỳ tổ chức các ký túc xá để tổ chức các buổi tập huấn về ứng phó với thảm họa nhằm tăng cường khả năng ứng phó thảm họa của sinh viên.

(二十五) 宿舍內舉凡任何全宿舍共同之集會或活動，不得隨意藉故外出，如有特殊情況事先依外出請假規定辦理。
Bất cứ khi nào Ký túc xá tổ chức các hoạt động tập thể, các sinh viên không được tùy ý lấy cớ để ra ngoài. Nếu có việc cần thiết phải xin phép theo quy định.

(二十六) 住宿期間應不定期接受宿舍教官及輔導老師相關之生活、學業輔導。
Trong suốt thời gian lưu trú, sinh viên sẽ thường xuyên được giảng viên và trợ giảng của ký túc xá tư vấn về cuộc sống và học tập.

(二十七) 宿舍每學期得召開一次以上住宿生代表會議。
Mỗi kì ký túc xá có thể tổ chức hội nghị đại diện học sinh.

(二十八) 有宿疾、特殊疾病者請向值星室報備，若有身體不適者請立即告知宿舍管理人員、學生自治幹部。
Nếu có bệnh mãn tính, bệnh đặc biệt, xin vui lòng đến phòng trực ban báo cáo, nếu thấy khó chịu về thể chất, xin vui lòng thông báo ngay cho các cán bộ quản lý ký túc xá, cán bộ quản lý học sinh.

(二十九) 住宿生應按照下列時間作息：
Sinh viên sẽ sinh hoạt theo lịch trình sau:

07:00 開放宿舍大門 23:00 四技二技晚點名 23:00 關閉大門
07:00 Mở cửa ký túc xá, 23:00 Điểm danh, 23:00 Đóng cửa

(三十) 學生可自行選擇是否於寒暑假間住宿

Sinh viên có thể tự lựa chọn nghỉ hè có ở trong ký túc xá không.

八、緊急連絡電話 Số điện thoại khẩn cấp

緊急與重要聯絡電話 Số điện thoại liên lạc khẩn cấp và quan trọng		
校安中心緊急事故電話 Trung tâm An ninh Trường học khẩn cấp	02-2437-4315	遇有緊急事故、危險情況 Khi gặp sự cố khẩn cấp, nguy hiểm
軍訓室緊急事故分機 Phòng huấn luyện quân sự khẩn cấp	02-2437-2093 分機360	遇有緊急事故、危險情況 Khi gặp sự cố khẩn cấp, nguy hiểm
宿舍專線 Số điện thoại KTX 02-2437-6152	舍監陳安棋老師 0919-046990 Thầy giám sát KTX Trần An Kỳ 02-2437-2093 分機354	1. 臨時晚歸須請假之情況、欲溝通、反應 宿舍居住環境等問題 Khi về muộn xin nghỉ, cần liên lạc, phản ánh vấn đề môi trường sống xung quanh ký túc 2. 在宿舍遇有緊急事故、危險情況;身體不 適, 需馬上就醫等情況 Ở ký túc gặp sự cố gấp, nguy hiểm, sức khỏe không tốt, phải đi bệnh viện gấp.
生輔組辦公室 Tổ hỗ trợ sức khỏe 02-24372093 分機 (máy lẻ) 361	石龍泰教官 0988-243932 Thầy Thạch Long Thái tổ hỗ trợ sức khỏe	遇有緊急事故、危險情況;身體不適, 需馬上 就醫等情況 Gặp sự cố gấp, nguy hiểm, sức khỏe không tốt, phải đi bệnh viện gấp.
國際組辦公室 Văn phòng tổ quốc tế 02-24372093 分機 (máy lẻ) 614	02-2437-2093 分機616、614、619	詢問簽證/居留證/工作證/國際學生醫療保險 相關事務 Tư vấn các vấn đề có liên quan visa, thẻ cư trú, thẻ làm việc, thẻ bảo hiểm y tế sinh viên quốc tế
外交部 Phòng ngoại giao	02-2348-2999	
內政部移民署基隆服務站 Phòng di dân bộ nội chính, trạm phục vụ Cơ Long	02-24276374	

臺灣 20301 基隆市中山區復興路 336 號

國際合作暨兩岸交流組

336 Trung núi hời sinh Road, Keelung, Đài Loan 20301

Hợp tác quốc tế và eo Exchange Group

九、其他費用說明 Hướnɡ dẫn phí

108 學年第 1 學期國際學生產學合作專班-入學所需費用說明

NHỮNG PHÍ CẦN ĐÓNG KHI NHẬP HỌC LỚP HỢP TÁC VỮA HỌC VỮA LÀM QUỐC TẾ HỌC KỲ II NĂM 2018

來台讀書仍有其他學費以外之費用如下，學費並未包含下表所列之費用。請參考下表，並於來台時，自行準備所需基本費用。

Sau khi đến Đài Loan nhập học ngoài học phí ra còn phải đóng một số phí sau đây, học phí không nằm trong bảng phí này. Đề nghị sinh viên đọc kỹ, để khi đến Đài Loan học chuẩn bị những tiền để đóng.

第 一 學 期 H o c k ỳ I	1	外國新生醫療保險 New International Students' Medical Insurance (NISMI) Bảo hiểm y tế sinh viên quốc tế	NT\$ 4,020 / first semester	外國學生在臺第一學期需加保 For the first semester. Sinh viên nước ngoài ở Đài Loan học kỳ đầu tiên phải đóng
	2	工作證費用 Work Permit Fee Phí thẻ làm việc	NT\$ 100 / semester	每半年需更換一次 Need to be renewed every semester Nửa năm phải đổi 1 lần
	3	外僑居留證 Alien Resident Certificate(ARC) Thẻ cư trú cho người nước ngoài	NT\$1,000 / year	每年更新 Renew annually Hàng năm phải đổi lại
	4	床具組 Bed Sets Đồ dùng chăn ga gối đệm	NT\$2,500 / set	內含床墊，枕頭，棉被，棉被套。枕頭套 content include : Mattress, pillows, quilts, quilts cases and pillowcases Bao gồm đệm, gối, chăn bông, vỏ chăn, vỏ gối
	5	書費 Book expenses Tiền sách	NT\$ 3,000 / semester	此為預估花費 Approximated expenses. Đây là tiền tạm tính
	6	生活費 Living expenses Phí sinh hoạt	NT\$ 6,000 / month	此為預估花費 Approximated expenses. Đây là tạm tính (các em tự giữ tiền này bên mình để chi tiêu sinh hoạt cá nhân)
	7	使用宿舍保證金 Tiền cọc ký túc xá	NT\$ 1,000 / semester	退宿時，經舍監確認無破壞之虞，保證金全額退回 Khi trả ký túc, được xác nhận là không làm hỏng đồ đạc, sẽ được trả lại tiền cọc
	8	銀行開戶 Bank accounting fee Mở tài khoản ngân hàng	NT\$ 1,000 / time	開戶完成後 1,000 元將存入銀行帳戶(可退還) NT\$1,000 is for opening your personal bank accounting (refutable) Sau khi mở tài khoản ngân hàng, 1000 Đài tệ này sẽ được giữ trong thẻ (có thể rút)
	9	印章費 Phí in dấu	NT\$ 50/ time	

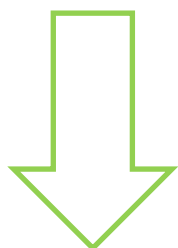
※ 學校有提供免費 WIFI，個人網路與行動電話因方案不同，價格落差較大，又屬個人消費習慣，因此未列入預估費用內，特此說明。

※ Trường có cung cấp WIFI miễn phí, mạng cá nhân và điện thoại di động của mỗi người không giống nhau, giá lệch nhau nhiều, và cũng rõ thói quen tiêu dùng của mỗi người, nên không liệt kê vào phí dùng tạm tính.

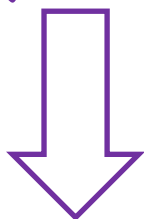
-note-

9/28(六)

手機



居留證



拍照

9/30(一)

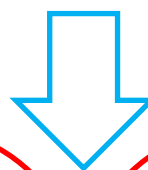
註冊組



出納組



新生訓練



校園導覽

臺灣 20301 基隆市中山區復興路 336 號
國際合作暨兩岸交流組
電話+886-2-2437-2093 分機 614、616、619

336 Trung núi hồi sinh Road, Keelung, Đài Loan 20301
Hợp tác quốc tế và eo Exchange Group
Điện thoại: +886-2-2437-2093 chi nhánh.614、616、619